

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Khánh Nam

2/ Bà Chu Hạ Uyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 567/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Vũ Thị D, sinh năm 1973. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Tổ B, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. Địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Vũ Thị D và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2003, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc và có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yên N, sinh năm 2004 và Nguyễn Ngọc Thảo N1, sinh năm 2005. Đến khoảng năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, ông L đi làm ở Thành phố

Hồ Chí Minh rất ít khi về nhà, không quan tâm đến vợ con. Cũng trong năm 2016, vợ chồng nói chuyện với nhau và quyết định đường ai nấy đi, không liên quan gì tới nhau nữa. Từ đó đến nay, cả hai không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, ông Nguyễn Văn L đã có người phụ nữ khác, công khai chuyện tình cảm trên mạng xã hội. Do vậy, bà Nguyễn Vũ Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yên N, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2004 và Nguyễn Ngọc Thảo N1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Cả 02 con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 17/12/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Vũ Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yên N, sinh năm 2004 và Nguyễn Ngọc Thảo N1, sinh năm 2005. Khoảng 10 năm trước, vợ chồng ông cảm thấy không hợp nhau nên quyết định đường ai nấy đi, không sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay, ông và bà D mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Cả 02 con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm:* Đơn khởi kiện; bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Ngọc Yên N, bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Ngọc Thảo N1, bản sao căn cước công dân của bà Nguyễn Vũ Thị D, bản photo căn cước công dân của ông Nguyễn Văn L; Bản chính đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án, bản chính bản tự khai của bà D.

** Các tài liệu, chứng cứ bị đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm:* Bản tự khai ngày 17/12/2024; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

** Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Bản tự khai của chị Nguyễn Ngọc Yên N con ruột của ông L và bà D.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các bên đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 mà không đăng ký kết hôn; căn cứ điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, đề nghị không công nhận bà Nguyễn Vũ Thị D và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

+ Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2004 và Nguyễn Ngọc Thảo N1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Hiện nay chị Yến N và chị Thảo N1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bà Nguyễn Vũ Thị D có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn L nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về ly hôn”; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định, bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Thị D và bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Vũ Thị D và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo bà Nguyễn Vũ Thị D và ông Nguyễn Văn L trình bày, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, ông L đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh rất ít khi về nhà, không quan tâm đến vợ con. Cũng trong năm 2016, vợ chồng nói chuyện với nhau và quyết định đường ai nấy đi, không liên quan gì tới nhau nữa, từ đó đến nay, cả hai không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D và ông L không còn sống chung, bà D yêu cầu ly hôn, ông L cũng đồng ý. Tuy nhiên, do bà D và ông L không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào điểm c Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội, xử không công nhận bà Nguyễn Vũ Thị D và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung*: Trong thời gian sống chung, bà D và ông L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2004 và Nguyễn Ngọc Thảo N1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Hiện cả hai đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung*: Bà D và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Bà D và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Vũ Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 206; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm c Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội.

- Áp dụng Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Vũ Thị D và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005754 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, thành án phí. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tp. Long Khánh;
- Chi cục THADS tp Long Khánh;
- UBND xã Bàu Trâm, tp. Long Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đồng Thị Hương

